

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

GIÁ TRỊ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ QUA BÀI TÀI TỬ TỔNG TỬU ĐƠN HÙNG TÍN CỦA SOẠN GIẢ VIỄN CHÂU⁽¹⁾

HUỖNH CÔNG TÍN*
VŨ VĂN NGỌC**

Với bài bản⁽²⁾ Tài tử⁽³⁾, người nghe không chỉ có nhu cầu thưởng thức âm nhạc qua bản Tài tử, mà còn cảm nhận lĩnh hội nội dung ý tưởng của bài Tài tử. Do vậy, việc dùng ngôn từ chuyển tải nội dung phải được đặt trong sự hài hòa với âm nhạc của bản Tài tử. Một bài bản Tài tử mẫu mực đòi hỏi soạn giả phải am tường nhạc lý để thể hiện ngôn từ có sự liên kết vần, hài hòa thanh vận, từ ngữ với âm nhạc của bản Tài tử; đồng thời, khéo kết hợp các yếu tố ngôn ngữ vốn có của tiếng Việt gồm: từ thuần Việt và Hán Việt, thể hiện phù hợp với phong cách và sắc thái biểu cảm của văn chương. Có thể nói soạn giả Viễn Châu đã đạt đến những giá trị nghệ thuật này trong bài Tài tử Tổng tửu Đơn Hùng Tín.

Từ khóa: vần, thanh-âm, từ Hán Việt, từ thuần Việt, bài bản, nhạc Tài tử, Nam Bộ.

Ngày nhận bài: 24/5/2016; đưa vào biên tập: 10/7/2016; phản biện: 26/8/2016; duyệt đăng: 10/10/2016

Tổng tửu Đơn Hùng Tín là câu chuyện nói về cuộc rượt đuổi đưa người anh hùng Đơn Hùng Tín trong Thuyết Đường⁽⁴⁾ bị án bêu đầu theo lệnh của Đường Thế Dân, được thực hiện bởi hai người em kết nghĩa là Trình Giáo Kim và La Thành. Câu chuyện truyền

thuyết của lịch sử Trung Hoa về năm anh em kết nghĩa nhưng về sau lại giết nhau có lẽ sẽ không có nhiều người Việt Nam quan tâm biết đến, nếu không được thể hiện thành lời ca trong một bản Tài tử - bản *Xuân tình chán* điệu Bắc⁽⁵⁾, một bản đờn phổ biến trong sân khấu cải lương mà hầu như người Nam Bộ nào cũng có nghe qua và thuộc đôi câu. Sở dĩ họ thuộc vì ngoài bản đờn hay, lời từ trong bài

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Tài tử cũng được soạn giả Viễn Châu⁽⁶⁾ trau chuốt về nghệ thuật. Trong bài viết này chúng tôi xin được nói về giá trị nội dung và nghệ thuật ngôn từ trên phương diện văn bản của bài Tài tử này.

1. KHÁI QUÁT VỀ SOẠN GIẢ CẢI LƯƠNG VIỄN CHÂU

Danh cầm đàn tranh Huỳnh Trí Bá, tên thường gọi Bảy Bá, còn có tên là Trương Văn Bảy, sinh năm 1924, mất năm 2016⁽⁷⁾, là người xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên ông lấy nghệ danh Viễn Châu⁽⁸⁾. Ông là một trong những soạn giả nổi tiếng ở Việt Nam thế kỷ XX, là người thành công vang dội trên lĩnh vực viết các bài ca Vọng cổ ở mọi thể tài với số lượng lớn, có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật văn chương, âm nhạc. Ông được xem là cha đẻ của bản Tân cổ giao duyên, một bước phát triển mới của bản Vọng cổ chuyển thành Tân Cổ. Ông còn là người làm thay đổi chất của bản Vọng cổ, vốn là một thể loại buồn, nhưng vẫn có thể tạo thành một thể loại vui, gọi là Vọng cổ hài. Bởi đó, ông được gọi là vua của bản Vọng cổ hài và cũng là người tạo danh cho rất nhiều nghệ sĩ. Từ những thành tích và đóng góp cho làng Cải lương, Vọng cổ, ông được giới nghệ sĩ và công chúng tôn vinh là “vua” sáng tác Vọng cổ. Năm 2012, ông được nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, và năm 2014 được tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Trên địa hạt sáng tác lời cho bản Tài tử, ông cũng có những bài Tài tử được

giới cải lương rất mộ điệu, chẳng hạn như các bài: *Tổng Tửu Đơn Hùng Tín*, *Lão Trương mê Tiên Bửu*...

2. Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài Tài tử Tổng tửu Đơn Hùng Tín

2.1. Bài ca *Tổng tửu Đơn Hùng Tín*, viết theo bản đờn *Xuân tình chán*⁽⁹⁾ (48 câu, 4 lớp), điệu Bắc, nói lên một tình cảnh mất còn; qua đó từng người thể hiện khí phách và phẩm chất của mình. Đứng từ vị trí lợi quyền và nhân sinh quan, mỗi người có những hành xử khác biệt nhau, vì vậy trong mắt người đời, có người đáng khen, đáng trọng, có kẻ lại đáng trách, đáng bị chê cười.

2.2. Đoạn đối thoại giữa nhị ca Đơn Hùng Tín và tam đệ Trình Giảo Kim

Ở *lớp 1* là đoạn đối thoại, khi Trình Giảo Kim mời rượu nhị ca Đơn Hùng Tín. Trước khi mời rượu, Trình nói về mình, tuy nhận mình là người xuất thân không ra gì, nhưng rất kính trọng khí phách anh hùng của nhị ca: “1⁽¹⁰⁾. (Trình Giảo Kim): *Dạ, dạ... Thưa Đơn nhị ca, em đây là Giảo... (cổng)*⁽¹¹⁾, *Kim danh tánh họ Trình (xự)*. 2. *Thuở nhỏ chuyên nghề bán muối lậu, ăn cướp bạc vua (xê), khi lớn lên (-)*⁽¹²⁾ *em mới ra đầu Đường (xàng)*. 3. *Có câu: “Kiến nghĩa bất di trọng thệ”*⁽¹³⁾ *(xự), trước mặt Nhị ca em xin rút chung rượu này (hò)*. 4. *Em kính tặng Nhị ca một đấng anh hùng (hò)(-), thà thọ tửu chứ không phục tùng chúa ở Đường vương (xàng)*. 5. *“Ninh thọ tửu bất ninh thọ nhục”*⁽¹⁴⁾ *(xự), em khen anh dạ sắt gan đồng (hò)*. 6. *Đường sanh tử anh xem nhẹ tợ lông hồng*

(hò)(-), *thác như vậy trọn hiếu nghĩa tiết trung (xang)*". Không hẳn đây là lời nói thật lòng của Trình Giảo Kim, vì bản thân Giảo Kim là người cũng có một quá khứ "bất hảo"; nhưng dấu có là lời nói đầu môi thì họ Trình cũng đã diễn tả được đúng phẩm chất "đứng thẳng" của Đôn Hùng Tín. Các từ, ngữ cố định (thành ngữ) Hán Việt được khai thác tối đa để khái quát được ý lời trong một lượng từ ngữ, ít ỏi, hạn hẹp; mặt khác, lại tăng được sắc thái trang trọng, đề cao, kính cẩn, như: "*Đôn Nhị ca, danh tánh, kiến nghĩa bất di trọng thệ, ninh thọ tử bất ninh thọ nhục, đường sanh tử, hiếu nghĩa tiết trung...*". Về phương diện nghệ thuật, soạn giả soạn lời tuân thủ tuyệt đối thanh vận của từ, phù hợp với âm thanh bản đờn ở những chữ đờn được đánh dấu bằng thanh âm nhạc phương Đông.

Cảm những lời nói được coi là "chân thật" của Giảo Kim dành khen tặng mình, nên Đôn Hùng Tín đáp lời và chấp nhận uống chung rượu: "7. (Đôn Hùng Tín): *Này Giảo... Như tao anh hùng vô úy tử*⁽¹⁵⁾ (cổng), *hễ là úy tử (-) thì mặc anh hùng (xư)*. 8. *Một người một ngựa tao quyết diệt thằng Đường Lý Thế Dân (xê), nhưng mạng tao (-) vô thời nên mặc vận cầu (hò)*. 9. *Hôm nay thân tao như chim lồng cá chậu*⁽¹⁶⁾ (xư), *dầu đầu rơi thịt nát tao cũng không đau (hò)*. 10. *Bởi nhiệt huyết tao đây có đủ một bầu (hò), thà thác tận kỳ trung hơn sống mà đầu nhe*⁽¹⁷⁾ (-) (xang)! 11. *Nhưng nay tao đã sa chân vào hổ huyết (xư), thì mạng của tao cam đành dĩ tuyệt (xư)*. 12. *Anh*

hùng tử chó khí hùng bất tử⁽¹⁸⁾ (cổng), *thiên thu mai cốt - bất mai tu*⁽¹⁹⁾ (xang). 13. *Giảo! Giảo! Giảo! Anh của mày nay đã mạng cùng (xê), nhưng thân tình này có chết tao vẫn mang theo (liu)*. 14. *Sau khi tao thác xuống tuyền đài (-) (xê), thì tình của mày vẫn còn khắc cốt ghi tâm (liu)*". Sự đối đáp của Đôn Hùng Tín lúc nào cũng ở phong thái "đĩnh đạc, đại ca". Đối mặt với cái chết, Hùng Tín vẫn xem thường và thể hiện được khí phách hiên ngang, bình tĩnh. Trước giờ phút sinh tử, nhị ca Hùng Tín vẫn nói những câu ân tình cảm ơn một chút tình bạn còn đọng lại ở Trình Giảo Kim. Về phương diện nghệ thuật, Hùng Tín là một quân tử, một trang anh hùng nên từ ngữ dùng nặng yếu tố Hán Việt, mang sắc thái trang trọng, khái quát, uy lực, và bác học: "*vô úy tử, mặc anh hùng, vô thời, mặc vận cầu, nhiệt huyết, thác tận kỳ trung, hổ huyết, cam đành dĩ tuyệt, khí hùng bất tử, thiên thu mai cốt - bất mai tu, tuyền đài, khắc cốt ghi tâm...*". Mặt khác, ở những chỗ thể hiện tình thâm thì tác giả dùng những lời nói đời thường thú vị, như: "*Này Giảo, tao - mày, thẳng, thân tình này có chết tao vẫn mang theo, tình của mày, một người một ngựa tao quyết diệt thằng Đường Lý Thế Dân...*". Còn các yếu tố từ ngữ ở chữ đờn thì hòa hợp thanh - âm tuyệt đối, tạo nên bài bản thú vị. Sự liên kết giữa các khuôn vần "-âu, -uyêt, -ung" còn tạo thêm sự gắn kết trên bình diện ngôn ngữ (hiệp vần), âm nhạc (hiệp âm).

Ở lớp 2, Trình Giảo Kim mời chung rượu thứ nhì và nêu lý do cũng rất

thuyết phục, đó là tài cầm binh vang danh bốn cõi của nhị ca Đơn Hùng Tín, khái quát trong một câu phức hết sức cô đọng “Lên đèo, xuống ải, lặn suối, trèo non; Đông xông, Tây đột, Nam tảo, Bắc trừ” nên “bốn biển cũng còn nghe danh anh”: “15. (Trình Giảo Kim): *Dạ, dạ... Thừa Đơn nhị ca, còn đây (-), là ly rượu thứ nhì (cồng)*. 16. *Em kính tặng nhị ca là một đấng anh tài (cồng), suốt cả đời anh oanh oanh liệt liệt (cồng)*. 17. *Một tay anh chống vững thành Lạc Dương (u), vì chữ trung quân anh xem thường tánh mạng (cồng)*. 18. *Đâu sá chi lần tên mũi đạn (-) (cồng), chí can cường thâm thành đoạt lũy, thật là đảm đương (xê)*. 19. *Công lao (xê), hạng mã, đột (-) pháo xông tên (xê)*. 20. *Lên đèo, xuống ải, lặn suối, trèo non (xê); Đông xông, Tây đột, Nam tảo, Bắc trừ (xừ)*. 21. *Tứ hải (-) giai huynh đệ (xự), bốn biển cũng còn nghe danh anh (xê)*. 22. *Hôm nay không may (-) (xê), anh thọ nạn chốn pháp trường (-) thì câu “lưu đắc vạn cổ”⁽²⁰⁾ vẫn còn ghi (xê)*”. Ở lớp đàn này, soạn giả đã khéo dùng câu chữ thể hiện được chí khí anh hùng và tài năng tung hoành ngang dọc, một thời oanh liệt của Đơn Hùng Tín. Cách viết rất cô đọng, lấy cảm hứng từ các thành ngữ và lối diễn dịch ngắn gọn, đối xứng, kiểu văn đối ứng, nhưng không quá lối mòn như văn chương biền ngẫu. Còn vần, thanh vận từ ngữ và chữ đờn thì vẫn luôn hòa quyện thanh âm cùng nhau.

Đáp lại lời nói chí lý, Đơn Hùng Tín khen phải và chấp nhận uống chung

rượu thứ hai: “23. (Đơn Hùng Tín): *Hay lắm Giảo! Như tao ngay với vua (xê), nên có thác tao nào có sá chi (liu)*. 24. *Đấng anh hùng sanh ký tử quy⁽²¹⁾ (-) (liu), rượu của mày tao uống cạn đó là hai ly (-) (liu)*”. Soạn giả luôn khai thác sự hài hòa thanh âm của từ ngữ, vần “-i” với chữ đờn và vẫn dùng những yếu tố Hán Việt khi cần. Nhưng, có những tình tiết cách thể hiện lại gần với ngôn ngữ đời thường nên gây được cảm giác rất chân thật.

Trình Giảo Kim mời tiếp ly thứ ba, thể hiện tình cảm vuông tròn, trọn vẹn⁽²²⁾. Đó là ly rượu cầu chúc kiếp sau, theo quan niệm sống gửi thác về, con người sẽ đầu thai kiếp khác theo luật nhân quả: “25. (Trình Giảo Kim): *Dạ thừa Đơn nhị ca còn đây là, (hò) ly rượu thứ ba (xang)*. 26. *Em cầu chúc cho anh thác xuống cửu tuyền chi hạ (xự), đầu thai kiếp khác cho được tài ba (xang)*. 27. *Mặt anh như rồng, oai phong như cọp (xự), để sau này anh sẽ phát mã đề thương⁽²³⁾ (xê)*. 28. *Kéo rốc hùng binh trở lại nhà Đường (xê), để giết hết quân vong ân phản bạn (xự)*”. Tuy đây chỉ là điều mong ước hoặc lời nói cổ làm vui lòng người ra đi. Nhưng trong chừng mực, nếu nó không chân thật thì ít ra, nó vẫn có tác dụng làm vui lòng người sắp đi xa, bởi đáp ứng được sở nguyện còn dang dở. Lời từ thuần Việt gần gũi, đan xen yếu tố Hán Việt trang trọng và vẫn giữ được sự hòa hợp thanh vận, âm nhạc khi diễn đạt nội dung theo giai điệu bản đờn.

Khen lời nói thành tâm của Giảo Kim, Hùng Tín cất vấn về sự vắng mặt của

Tần Thúc Bảo trước khi uống chung rượu cuối cùng: “29. *Hay đó Giảo! Vậy chứ Tần Quỳnh (xề), hà phang mà bắt kiến đệ huynh⁽²⁴⁾ (liu)?* 30. *Dạ dạ, Tần Thúc Bảo vâng lệnh triều đình (xề), chiêu an tam kiệt tận Hồng Đào sơn (liu)*”. Câu đối đáp với cách diễn đạt gọn, nhiều từ cổ, nhưng ý tưởng thể hiện thì lại gần gũi với kiểu đối thoại đậm chất văn chương, nghệ thuật.

2.3. Đoạn đối thoại giữa nhị ca Đơn Hùng Tín và tiểu đệ La Thành

Ở *lớp 3*, lại là chung rượu mời phản phúc của tiểu đệ La Thành, khi Hùng Tín hỏi ai là người nhận lệnh giết mình: “*Vậy ai là người giám sát giết tao đó Giảo?*”, nên La đệ bước ra và đồng dục tuyên bố ngông nghênh, hống hách: “31. (La Thành): *Dạ... Có em đây (liu) là (-), tiểu tướng La Thành (xàng).* 32. *Rượu một ly tống biệt nghĩa kim bằng⁽²⁵⁾ (xàng) (-), uống hay không mặc tình anh định liệu (cộng).* 33. *Nhớ lại những ngày đoan thế làm phản Sơn Đông (u), đến nay ai cũng đắc ý kỳ phạt⁽²⁶⁾ (cộng).* 34. *Em làm giám sát xin đại ca chớ giận (cộng) (-), xưa kia chó người đạo chích còn sửa vua Nghiêu (xàng)*”. Lời lẽ của La Thành tuy ngẩn thoi, nhưng đã thể hiện được tính chất kiêu kỳ, đắc thắng, tự mãn, thậm chí còn châm chọc, mỉa mai, khi lên tiếng phân bua: “*xin đại ca chớ giận, xưa kia chó người đạo chích còn sửa vua Nghiêu⁽²⁷⁾.*”

Bực tức với những lời biện hộ của La Thành, Hùng Tín nhắc lại tình huynh đệ xưa, đồng thời, tấn công trực diện

vào sự xảo trá của La Thành: “35. (Đơn Hùng Tín): *La Thành! Tao còn nhớ thuở Giảo Kim đi đầu giặc (xự), mày còn đau bệnh ngặt (xự) (-).* 36. *Mày nằm nơi Tam Hiền quán (-) (cộng), ai rước lương y đầu thang chẩn mạch cho mày hết đau (xàng)?* 37. *Mạnh rồi, mày nói dối với tao là về thăm quê xưa cảnh cũ (cộng).* 38. *Để thăm mồ mả (cộng) (-), chớ tao không ngờ mày đầu thằng Lý Thế Dân (xàng).* 39. *La Thành! Tao làm mày là thằng mặt trắng lòng đen (u), nhân diện thú tâm (28).* Mày nhờ ai được áo ấm cơm no (xề). 40. *Đầu đội mào vàng, lưng đeo đai ngọc (xề).* Rồi nay mày cầm gươm, giết tao trả ơn hay sao (liu)?”. *Lớp này* lại là một đoạn “tranh luận” đan xen các từ ngữ thuần Việt, Hán Việt, giúp dễ tiếp nhận nội dung, như một cuộc “cãi vã” đòi thường, nhưng vẫn giữ được màu sắc quan lại phong kiến, phẩm trật uy quyền. Sự hài hòa thanh âm nêu bật được tài “dụng ngôn”, dùng chữ khéo léo của soạn giả.

Ở *lớp 4*, tiếp tục dòng cảm xúc chửi rủa của Đơn Hùng Tín với những lập luận và ngôn từ sắc gọn, cứng rắn: “*khẩu phật tâm xà, nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà, dưỡng hổ di họa⁽²⁹⁾...*” và thái độ tuyệt giao dứt khoát của Hùng Tín “*Nhơn phi nghĩa bất giao; vật phi nghĩa bất thủ*”⁽³⁰⁾: “41. (Đơn Hùng Tín): *(-) La Thành, tao làm mày (liu) là thằng khẩu phật tâm xà (xàng).* 42. *Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà (xàng).* Bồi dưỡng hổ nên tao đành di họa (cộng). 43. *Sách có câu: “phóng ngư nhập thủy, tung hổ*

quy sơn”⁽³¹⁾ (u). Nay Đon Hùng Tín mới nan⁽³²⁾ toàn tánh mạng (cộng). 44. *Thật gớm ghê thay cho mày là thằng phản bạn* (cộng) (-). *Thực hơn tài, rồi mày hãm hại hơn tai* (xang). 45. *Mày nhớ không, tiền đồng tịch kim bằng cộng lạc* (xự), *hậu lâm nguy bất kiến nghĩa huynh đệ*⁽³³⁾ (xự). 46. *Nhơn phi nghĩa bất giao; vật phi nghĩa bất thủ* (cổng). *Người quân tử không thêm uống rượu của đũa cầu tâm*⁽³⁴⁾ (xang)”. Hàng loạt những câu, từ, thành ngữ Hán Việt được chú ý khai thác tạo nên một hiệu ứng chặt chẽ trong lập luận, hùng hồn trong diễn đạt và thật phù hợp với tình huống tâm lý nhân vật lúc này. Mặt khác, trong quan hệ với bản đồn thì những từ dùng có thanh vận luôn gắn với chữ đồn.

La Thành không biện hộ lấy được một lời, nên đành hành xử theo kiểu của kẻ yếu thế dùng gươm: “47. (La Thành): *Đon Hùng Tín, giờ Ngọ đã đúng kỳ* (xề), *gươm đeo tuốt vỏ, chuyển lực thần oai* (liu). 48. *Đưa hồn người xuống tận tuyến đài* (xề) (-), *gươm lịnh này tận sát Đon nhị ca* (liu).

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy Tài tử *Tổng tửu Đon Hùng Tín* đã sử dụng nhiều lời bài ca ngôn từ cổ phù hợp với thực tế sự việc; đồng thời qua đó thể hiện tài năng vận dụng ngôn từ trong thành ngữ, điển tích của tác giả để biểu thị những gì khái quát cần diễn đạt thật gọn, chính xác và điệu nghệ, khiến bài Tài tử không chỉ chuyển tải được nội dung đạo lý, đề cao tình huynh đệ, mà còn tạo nên một giá trị nghệ thuật ngôn từ trên bình diện văn bản đáp ứng được yêu cầu lời ca của một bản đồn Tài tử, như một sáng tác văn chương.

Giá trị của những bài Tài tử rõ ràng không chỉ dừng lại ở nội dung nêu lên một vấn đề đạo lý, mà còn được kết hợp nhuần nhuyễn ở tài năng chọn lựa ngôn ngữ, thể hiện phù hợp với tâm lý, tính cách, tình huống, hoàn cảnh nhân vật. Mặt khác tạo được sự hài hòa về ngữ âm của lời ca và tiếng đồn, làm tăng hiệu quả nơi người nghe là thưởng thức bài bản Tài tử trên cả hai bình diện bài và bản. □

CHÚ THÍCH:

⁽¹⁾ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia TPHCM (VNU-HCM) trong đề tài mã số B2014-18b-03.

⁽²⁾ “Bài bản” được hiểu là “bài” và “bản”. Bài là lời bài ca được viết theo một bản đồn (bản nhạc) mang hơi điệu nhất định. Hơi có: Xuân, Ai, Đảo, Ngự. Điệu có: Bắc, Nam, Hạ, Oán.

⁽³⁾ “Tài tử” viết hoa chữ “Tài” được xem như một khái niệm âm nhạc, dùng chỉ các bản đồn được cải tiến và phát triển (có 20 bản Tổ và những biến thể) từ nhạc Lễ (nhạc cung đình Huế), thành dòng nhạc Nam Bộ dùng cho giới tài tử (từ “tài” không viết hoa, được dùng để chỉ giới chơi nhạc không chuyên nghiệp, nhưng có nghề) hòa nhạc trong các dịp “quan, hôn, tang, tế” (đăng quan, kết hôn, tang chế, tế lễ). Về sau, nhạc Tài tử cùng với bản Vọng cổ được đưa vào làm phương tiện âm nhạc chuyển tải lời cho các vở tuồng Cải lương biểu diễn trên sân khấu, như một loại nhạc kịch.

(4) Còn gọi “*Tùy Đường diễn nghĩa*”, một bộ sách nổi tiếng của loại tiểu thuyết lịch sử diễn nghĩa của văn học cổ điển Trung Hoa mà Chữ Nhân Hoạch dựa vào “*Tùy Đường chí truyện*” của La Quán Trung, tác giả “*Tam Quốc diễn nghĩa*” viết nên. Ngoài ra, tác giả còn tiếp thu tinh hoa sách sử, truyện truyền kỳ thời Đường, Tống; những thành công của văn học, truyền thuyết dân gian về các anh hùng, hào kiệt cuối thời Tùy, đầu đời Đường.

(5) Điều Bắc mang âm hưởng vui, sáng khoái.

(6) Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu (1924-2015), tên thật Huỳnh Trí Bá (Bảy Bá), người xã Đôn Châu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, là danh cầm đàn tranh và là soạn giả cải lương nổi tiếng Việt Nam thế kỷ XX và hiện nay.

(7) Viễn Châu mất ngày 1/2/2016, nhằm ngày 23 tháng Chạp năm Ất Mùi, tính đến nay gần 100 ngày. Bài viết này xin được kính nhớ 100 ngày mất của Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu.

(8) Nghệ danh “Viễn Châu”, ý nói người con xa Đôn Châu, nhưng vẫn luôn nhớ về quê hương, chú giải của tác giả bài viết.

(9) *Xuân tình chán* là một bản Tài tử dài, phát triển từ bài *Xuân tình vắn* (ngắn), mang âm hình giai điệu có những nét đặc biệt, ít trùng lặp với các bản khác. Các lớp đều có sắc thái riêng. Càng phát triển về sau thì tính chất nhộn nhịp càng nhiều. Bản *Xuân tình* có một nhạc điệu vang, trong sáng và nồng nhiệt, thường được dùng trên sân khấu Cải lương ở các trường hợp đối đáp hoặc kể lể...

(10) Số ghi ở đầu câu là số thứ tự của câu trong bài ca.

(11) Trong toàn bài có sự phối hợp nghệ thuật hòa quyện nhau giữa âm tiết (chữ) mang thanh điệu và tiếng đồn, giới chuyên môn gọi là “chữ ăn đồn”.

(12) (-): ký hiệu nhịp gõ song lan.

(13) Ý nói: Thấy việc phải không làm là không trọng lời thề của người quân tử.

(14) Ý nói: Thà chấp nhận chết, chớ không chịu bị làm nhục.

(15) Úy tử: sợ chết. Ý cả câu: “Anh hùng thì không sợ chết, mà sợ chết thì không phải đáng anh hùng.”

(16) Quán ngữ “chim lồng, cá chậu” trong trường hợp này, chỉ việc bị bắt, không còn khả năng tung hoành.

(17) Đáng anh hùng bao giờ cũng chọn cái chết hiên ngang, chớ không bằng lòng đổi lấy cuộc sống luồn cúi.

(18) Anh hùng thì cũng phải chết, nhưng chí khí của người anh hùng vẫn bất tử (không chết).

(19) Ngàn năm, xương cốt có thể bị tàn rụi, nhưng sự cười chê người đời thì không hề mai một”. Ý nói, vì vậy phải sống làm sao cho rạng danh, chớ không được để mờ danh.

(20) Ý nói: danh tính và khí phách anh hùng của anh được lưu giữ muôn đời sau.

(21) Ý nói: sống gửi chết về. Theo quan niệm, người sống chỉ là gửi tạm nơi chốn trần gian, còn chết đi mới là trở về quê thật vĩnh viễn.

(22) Người đời có quan niệm về con số 3, con số của sự hoàn hảo, đầy đủ, trọn vẹn; giới uống rượu thì có câu “vào 3 ra 7”.

(23) Lên ngựa giơ thương, ý nói: ý nói trong tư thế lên đường ra trận.

(24) Ý nói: Tần Quỳnh (Tần Thúc Bảo), người đệ được cho là có nghĩa, có tình với Nhị ca Hùng Tín, đã bị triều đình cảnh giác mà điều đi xa, để tránh diễn ra cảnh có thể cướp pháp trường cứu mạng Hùng Tín, nên Hùng Tín thấy vắng mới hỏi: “Tần Quỳnh ở phương nào (hà phang) mà không đến tiễn tình huynh đệ (mà bất kiến đệ huynh)”?

(25) “Tống biệt nghĩa kim bằng”, ý nói: “mời 1 ly rượu để dứt khoát với tình bằng hữu đáng quý”.

(26) “Đắc ý kỳ phận”, ý nói: “vừa ý, an phận”.

(27) Ý nói chó của thằng ăn trộm mà còn không kiêng nể bậc thánh hiền là vua Nghiêu thì còn kiêng gì nữa?!

(28) “Nhân diện thú tâm”, nghĩa là “mặt người, lòng thú”. Ý nói là người nhưng không có lòng nhân, nhân cách.

(29) “Khẩu phật tâm xà”, ý nói: “lời nói thì nhân đức, nhưng hành động thì độc ác”; “nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà, dưỡng hổ di họa”, ý nói: “nuôi kẻ phản phúc”.

(30) “Nhơn phi nghĩa bất giao; vật phi nghĩa bất thủ”, ý nói: “người không nghĩa không giao thiệp, vật bất chính không giữ làm của.”

(31) “Phóng ngư nhập thủy, tung hổ quy sơn”, ý nói: “thả cá vào nước, đưa hổ về rừng” là chẳng khác nào, làm lợi cho kẻ có hại, tức là làm nên rước thiệt hại về cho mình.

(32) “Nan”, nghĩa là “khó”.

(33) “Tiền đồng tịch kim bằng cộng lạc, hậu (thọ) lâm nguy bất kiến nghĩa huynh đệ”, ý nói: “trước bình yên thì anh em chung vui, chung hưởng, sau (khi) gặp nạn thì không thấy tình anh em.”

(34) “Cầu tâm”, nghĩa là “lòng chó, lòng thú, chó không phải lòng người”

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. Bửu Càn. 1971. *Hán Việt thành ngữ*. Sài Gòn: Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa.
2. Trần Văn Khê. 2004. *Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
3. Minh Lôi. 2001. *Bài bản sân khấu cải lương và Tài tử Nam Bộ*. Bến Tre: Sở Văn hóa Thông tin.
4. Đắc Nhẫn - Ngọc Thới. 1974. *Nội dung tính chất bài bản Cải lương*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa.
5. Vương Hồng Sển. 2007. *Hồi ký 50 năm mê hát*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
6. Trịnh Vân Thanh. 1966. *Thành ngữ điển tích – danh nhân từ điển*, I & II. Sài Gòn.
7. La Thần (dịch). *Thuyết Đường diễn nghĩa toàn truyện*, tác phẩm khuyết danh ra đời Thanh Trung Quốc, thế kỷ XVII-XVIII.
8. Huỳnh Công Tín. 2009. *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
9. Huỳnh Công Tín. 2012. *Văn chương miền sông nước Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
10. Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch. 2012. *Tập bài ca tuyển chọn cuộc vận động sáng tác lời mới 20 bản Tổ*.